



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN HÀI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Sử	Thành viên
Ông Vũ Thăng Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HÀI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017



Số: *239* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ số tiền khoảng 0,41 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 0,41 tỷ VND; trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 2,8 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này sẽ tăng khoảng 0,41 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 2,39 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng khoảng 2,8 tỷ VND).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 8 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.925.262.080	34.082.915.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.489.208.129	11.252.899.975
1. Tiền	111		1.489.208.129	3.252.899.975
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	8.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.434.734.375	9.522.337.089
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.738.295.635	10.848.728.427
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		780.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	369.534.840	166.704.762
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.453.096.100)	(1.493.096.100)
III. Hàng tồn kho	140	9	11.506.605.576	13.307.678.612
1. Hàng tồn kho	141		11.506.605.576	13.307.678.612
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.494.714.000	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.494.714.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.694.977.278	34.916.134.046
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.412.784.573	8.112.524.855
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	9.412.784.573	8.112.524.855
II. Tài sản cố định	220		23.282.192.705	26.675.494.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.462.899.228	15.158.077.714
- Nguyên giá	222		30.776.126.847	30.776.126.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.313.227.619)	(15.618.049.133)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.819.293.477	11.517.416.383
- Nguyên giá	228		31.177.927.937	31.177.927.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.358.634.460)	(19.660.511.554)
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	128.115.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	-	128.115.094
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		60.620.239.358	68.999.049.722


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.260.676.506	40.141.776.441
I. Nợ ngắn hạn	310		18.519.067.506	26.400.167.441
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.135.243.368	5.402.078.162
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		676.944.366	243.984.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	8.440.651.893	12.085.112.929
4. Phải trả người lao động	314		3.823.701.400	7.094.137.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		113.273.293	312.242.580
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	235.009.738	219.433.700
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.094.243.448	1.043.177.904
II. Nợ dài hạn	330		13.741.609.000	13.741.609.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	13.741.609.000	13.741.609.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.359.562.852	28.857.273.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	28.359.562.852	28.857.273.281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.174.100.000	17.174.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.174.100.000	17.174.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		536.512.500	536.512.500
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.648.950.352	11.146.660.781
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		8.946.660.781	5.731.682.542
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.702.289.571	5.414.978.239
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		60.620.239.358	68.999.049.722


 Trần Thị Vân
 Người lập biểu


 Nguyễn Hữu Khiêm
 Kế toán trưởng


 Đáo Văn Dũng
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng	01	19	65.386.041.895	62.625.084.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		65.386.041.895	62.625.084.160
4. Giá vốn hàng bán	11		54.946.935.591	46.737.591.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		10.439.106.304	15.887.492.281
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	186.031.869	233.499.146
7. Chi phí bán hàng	25	22	3.016.165.491	2.293.234.916
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	5.410.653.207	6.429.560.100
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		2.198.319.475	7.398.196.411
10. Thu nhập khác	31		28.368.564	44.730.100
11. Chi phí khác	32		38.000.000	279.114.300
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(9.631.436)	(234.384.200)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.188.688.039	7.163.812.211
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	486.398.468	1.503.962.443
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.702.289.571	5.659.849.768
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	991	2.655

Trần Thị Vân
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	75.468.038.992	65.920.859.350
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.793.607.170)	(28.413.252.955)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.748.271.600)	(24.332.792.600)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(817.152.755)	(2.977.830.167)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	286.370.100	464.425.700
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(22.189.341.169)	(16.162.811.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.793.963.602)	(5.501.401.944)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(111.685.373)	(950.591.092)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	141.957.129	215.583.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30.271.756	(735.007.585)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.717.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.717.410.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.763.691.846)	(7.953.819.529)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.252.899.975	17.477.248.695
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7.489.208.129	9.523.429.166



Trần Thị Vân
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Khiêm
 Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Cơ Khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 403 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 412 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, đồi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 4, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu bao gồm giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ theo Biên bản thanh tra thuế ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Hải Dương, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
NỢ PHẢI TRẢ				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (i)	313	11.897.797.643	187.315.286	12.085.112.929
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	421	11.333.976.067	(187.315.286)	11.146.660.781
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	5.863.642.704	(131.960.162)	5.731.682.542
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	5.470.333.363	(55.355.124)	5.414.978.239

(i) Thuế phải nộp Nhà nước trong năm 2015 tăng thêm 131.960.162 VND (trong đó, thuế giá trị gia tăng là 35.736.959 VND, thuế thu nhập doanh nghiệp là 96.223.203 VND) và Thuế phải nộp Nhà nước trong năm 2016 tăng thêm 55.355.124 VND (trong đó, thuế giá trị gia tăng là 15.708.468 VND, thuế thu nhập doanh nghiệp là 39.646.656 VND), dẫn đến:

- Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng thêm 187.315.286 VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi 131.960.162 VND và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 giảm đi 55.355.124 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt tại quỹ	359.969.400	383.048.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.129.238.729	2.869.851.775
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000	8.000.000.000
	7.489.208.129	11.252.899.975

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Hưng Hòa	1.211.928.550	1.210.831.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Phú Thành	1.116.111.000	160.970.000
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp Tư doanh Vận tải Hồng Lạc	769.769.877	1.800.981.377
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Đức Thắng	-	2.020.992.000
Phải thu các khách hàng khác	4.640.486.208	5.654.953.200
	7.738.295.635	10.848.728.427

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	369.534.840	166.704.762
- Phải thu người lao động	225.460.100	166.389.500
- Tạm ứng	100.000.000	-
- Phải thu khác	44.074.740	315.262
b) Dài hạn	9.412.784.573	8.112.524.855
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	9.412.784.573	8.112.524.855
	9.782.319.413	8.279.229.617

8. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
- Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến Bắc Ninh	185.840.600	-	Trên 3 năm	255.840.600	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	Trên 3 năm	305.471.000	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	Trên 3 năm	282.248.000	-	Trên 3 năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	Trên 3 năm	181.051.800	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	513.484.700	15.000.000	Trên 2 năm và trên 3 năm	483.484.700	15.000.000	Trên 2 năm và trên 3 năm
	1.468.096.100	15.000.000		1.508.096.100	15.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**MẪU SỐ B 09a-DN**

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	759.675.593	-	510.903.734	-
Công cụ, dụng cụ	22.984.294	-	6.394.791	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.312.467	-	9.171.676	-
Thành phẩm	10.698.633.222	-	12.781.208.411	-
	11.506.605.576	-	13.307.678.612	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí ứng hộ địa phương	750.000.000	-
Chi phí tham quan du lịch	744.714.000	-
	1.494.714.000	-
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	72.332.825
Chi phí hỗ trợ đền bù	-	55.782.269
	-	128.115.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	7.881.075.491	20.324.761.131	2.310.187.829	260.102.396	30.776.126.847
Số dư cuối kỳ	7.881.075.491	20.324.761.131	2.310.187.829	260.102.396	30.776.126.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu kỳ	5.633.993.865	8.091.579.826	1.664.510.950	227.964.492	15.618.049.133
Khấu hao trong kỳ	297.764.704	1.243.149.270	146.315.514	7.948.998	1.695.178.486
Số dư cuối kỳ	5.931.758.569	9.334.729.096	1.810.826.464	235.913.490	17.313.227.619
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	2.247.081.626	12.233.181.305	645.676.879	32.137.904	15.158.077.714
Tại ngày cuối kỳ	1.949.316.922	10.990.032.035	499.361.365	24.188.906	13.462.899.228

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.242.966.341 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.204.716.341 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Chi phí hoàn nguyên môi trường VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
Số dư cuối kỳ	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	10.475.176.932	9.185.334.622	19.660.511.554
Khấu hao trong kỳ	1.119.006.217	579.116.689	1.698.122.906
Số dư cuối kỳ	11.594.183.149	9.764.451.311	21.358.634.460
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	6.961.142.005	4.556.274.378	11.517.416.383
Tại ngày cuối kỳ	5.842.135.788	3.977.157.689	9.819.293.477

Theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền khoáng 5,9 tỷ VND. Số tiền này đã được Công ty ghi nhận bổ sung vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Tài sản này được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.169.923.477 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.700.262.966 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ (Trình bày lại)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	731.346.013	4.025.534.599	4.033.891.644	722.988.968
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	898.842.965	486.398.468	817.152.755	568.088.678
- Thuế thu nhập cá nhân	124.739.420	59.492.000	177.894.420	6.337.000
- Thuế tài nguyên	3.381.543.412	5.450.281.585	8.160.606.937	671.218.060
- Phí bảo vệ môi trường	317.706.265	1.290.790.600	1.452.118.115	156.378.750
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	34.633.798	-	34.633.798
- Tiền thuê đất	-	1.217.149.000	1.217.149.000	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.630.934.854	-	349.928.215	6.281.006.639
	12.085.112.929	12.567.280.050	16.211.741.086	8.440.651.893

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Một thành viên 6&9	717.372.200	717.372.200	1.125.814.200	1.125.814.200
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	553.622.520	553.622.520	514.056.312	514.056.312
Công ty Cổ phần Thống Nhất	408.931.600	408.931.600	705.570.700	705.570.700
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hiền	366.599.600	366.599.600	1.162.469.000	1.162.469.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Hằng Giang	319.593.000	319.593.000	470.402.500	470.402.500
HTX Thương mại Quyết Tiến	227.614.710	227.614.710	443.479.950	443.479.950
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	172.551.200	172.551.200	475.334.100	475.334.100
Phải trả các đối tượng khác	368.958.538	368.958.538	504.951.400	504.951.400
	3.135.243.368	3.135.243.368	5.402.078.162	5.402.078.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	115.921.300	112.440.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	55.000.000	55.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.088.438	51.993.700
	235.009.738	219.433.700

16. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.741.609.000	13.741.609.000
	13.741.609.000	13.741.609.000
Chi tiết:		
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	-	-
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	13.741.609.000	13.741.609.000

- (i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	17.174.100.000	536.512.500	10.981.052.704	28.691.665.204
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.905.153.363	8.905.153.363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.152.230.000)	(5.152.230.000)
Số dư đầu năm nay	17.174.100.000	536.512.500	11.333.976.067	29.044.588.567
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	(187.315.286)	(187.315.286)
Số dư đầu năm nay được trình bày lại	17.174.100.000	536.512.500	11.146.660.781	28.857.273.281
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.702.289.571	1.702.289.571
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(2.200.000.000)	(2.200.000.000)
Số dư cuối kỳ này	17.174.100.000	536.512.500	10.648.950.352	28.359.562.852

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 4, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 và 2016 giảm đi lần lượt là 131.960.162 VND và 55.355.124 VND; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016 giảm đi một khoản tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty như sau:
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.200.000.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.
 - Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với mức 20% vốn điều lệ, tương đương với 3.434.820.000 VND. Công ty đã thanh toán cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2016 là 3.434.820.000 VND.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015), vốn điều lệ của Công ty là 17.174.100.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	6.131.160.000	35,7%	6.131.160.000	35,7%
Ông Đỗ Quang Mạnh	453.750.000	2,6%	453.750.000	2,6%
Ông Đào Văn Dũng	366.900.000	2,1%	366.900.000	2,1%
Ông Trần Văn Sử	339.450.000	2,0%	339.450.000	2,0%
Các cổ đông khác	9.882.840.000	57,6%	9.882.840.000	57,6%
Tổng cộng	17.174.100.000	100%	17.174.100.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm thực hiện	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01 năm 2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Công ty Vật tư Xây dựng và Vận tải Hải Phòng	1.914.511.600	Tháng 9 năm 2008	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11 năm 2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

19. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng	65.386.041.895	62.625.084.160
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán đá thô	612.015.850	1.501.565.298
- Doanh thu bán đá chế biến	63.246.961.986	61.123.518.862
- Doanh thu bán cát nghiền	1.527.064.059	-
	65.386.041.895	62.625.084.160

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.602.381.367	3.280.795.250
Chi phí nhân công	24.786.676.067	24.223.385.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.393.301.392	3.695.030.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.704.049.245	19.552.707.399
Chi phí khác bằng tiền	9.890.079.088	7.647.367.100
	61.376.487.159	58.399.284.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	141.957.129	215.583.507
Doanh thu hoạt động tài chính khác	44.074.740	17.915.639
	186.031.869	233.499.146

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.533.017.240	3.554.775.770
- Thuế, phí, lệ phí	149.598.823	129.688.250
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.173.254	1.343.270.276
- Chi phí bằng tiền khác	780.002.273	1.086.355.559
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	644.861.617	482.190.245
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(40.000.000)	(166.720.000)
	5.410.653.207	6.429.560.100
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí thuê máy móc, thiết bị, bốc xúc, vận chuyển	3.016.165.491	2.293.234.916
	3.016.165.491	2.293.234.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.188.688.039	7.163.812.211
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	243.304.302	356.000.000
Thu nhập chịu thuế	2.431.992.341	7.519.812.211
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	486.398.468	1.503.962.443
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	486.398.468	1.503.962.443

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.702.289.571	5.659.849.768
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng 1/2 số phê duyệt cho cả năm)	-	1.100.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.702.289.571	4.559.849.768
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	991	2.655

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, cụ thể như sau:

	Kỳ trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.659.849.768	5.659.849.768
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng 1/2 số phê duyệt cho cả năm)	-	1.100.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.659.849.768	4.559.849.768
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.296	2.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đông chính
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	-	613.116.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Giám đốc	433.142.500	392.070.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	210.000.000	210.000.000



Trần Thị Vân
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2017